

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CAO LÃNH 2

ĐỀ CƯƠNG

ÔN TẬP TỐT NGHIỆP THPT MÔN NGỮ VĂN

Năm học 2010 – 2011

DẠNG CÂU HỎI GIÁO KHOA: (2điểm)

A. Văn học Việt Nam:

1. Nêu sơ lược những nét chính về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong VHVN giai đoạn 1945-1975.

Trả lời:

VHVN giai đoạn 1945 – 1975 chủ yếu phản ánh đời sống của cả dân tộc trong một thời kì đầy hào hùng. Do vậy nó mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- **Khuynh hướng sử thi** : là những bài ca ca ngợi phẩm chất anh hùng của cộng đồng, dân tộc thông qua những đại diện ưu tú nhất, tiêu biểu nhất. Nó được thể hiện qua 3 điểm:

+ **Đề tài sáng tác**: Đó là những vấn đề lịch sử có tính chất toàn dân tộc như đề tài kháng chiến chống xâm lược, đề tài đất nước, nhân dân.

+ **Nhân vật chính, nhân vật trung tâm**: Đó là những con người đại diện cho phẩm chất, ý chí, lý tưởng của cả dân tộc, cộng đồng. (anh bộ đội, mẹ chiến sĩ, chị dân quân, anh công nhân,..)

+ **Giọng điệu văn chương**: Đó là giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ, hào hùng.

- **Cảm hứng lãng mạn** là cảm hứng thể hiện cái “*tôi*” đầy tình cảm, cảm xúc, hướng tới cái cao cả, lớn lao, kì diệu, đẹp đẽ khác thường của người sáng tác. Đẹp nhất là lý tưởng xây dựng cuộc sống mới, con người mới XHCN, lí tưởng anh hùng cách mạng. Trân trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca người tốt, việc tốt là cảm hứng của hầu hết nhà văn giai đoạn này.

2. Nêu sơ lược các đặc điểm cơ bản của VHVN giai đoạn 1945-1975.

Trả lời:

- Nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

- Nền VH hướng về đại chúng.

- Nền VH chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

3. Những thành tựu và hạn chế của VHVN giai đoạn 1945-1975.

Trả lời:

a. Thành tựu:

- VHVN từ 1945-1975 thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử: Tuyên truyền, cổ vũ tinh thần chiến đấu, hi sinh của nhân dân.
- VHVN từ 1945-1975 đã nối tiếp và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của VH dân tộc như truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo.
- VHVN từ 1945-1975 phát triển cân đối, toàn diện về mặt thể loại. Trong đó thơ và truyện ngắn đạt nhiều thành tựu hơn cả.

b. Hạn chế:

VHVN 1945-1975 còn nhiều tác phẩm miêu tả cuộc sống, con người một cách đơn giản, phiến diện; cá tính, phong cách nhà văn được phát huy mạnh mẽ; yêu cầu về phẩm chất nghệ thuật của tác phẩm nhiều khi bị hạ thấp; phê bình văn học ít chú ý đến những khám phá về nghệ thuật.

4. Nêu những nét đổi mới của VHVN từ 1975 đến hết tk XX.

Trả lời:

a. Đổi mới về nội dung:

- Trước 1975 VH thiên về ngợi ca, cổ vũ, hướng tới con người đại chúng, đại diện tiêu biểu cho công đồng dân tộc.
- Sau 1975 VH vận động theo hướng dân chủ hóa, mang tính nhân bản và nhân văn, hướng tới con người cá thể. Nhân vật VH là những con người đời thường được nhìn nhận ở tính nhân loại và phương diện tự nhiên, ở nhu cầu mang tính bản năng, phương diện tâm linh. Các tác phẩm “*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*”, “*Chiếc thuyền ngoài xa*”, “*Một người Hà Nội*”,... đã đem đến cho người đọc cái nhìn mới về đời sống con người đương thời.

b. Đổi mới về nghệ thuật:

- Trước 1975 VH thiên về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.
- Sau 1975 VH thiên về cảm hứng thế sự, quan tâm đến con người cá thể. Vì thế bút pháp mạnh mẽ hướng nội, khai thác không gian đời tư, thời gian tâm lí. Cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy, hình thành những giọng điệu văn chương mới lạ, nhưng lối miêu tả, trần thuật mang tính khám phá. “*Đàn ghita của Lorca, Ai đã đặt tên cho dòng sông?*”, đã đem đến những cảm nhận mới mẻ.

5. Người ta thường nói : Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một tác giả đa phong cách. Anh (chị) nhận xét như thế nào về điều đó?

- Đa phong cách là ột nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh . Người sáng tác nhiều thể loại và mỗi thể loại đều tạo được những nét riêng độc đáo và hấp dẫn.

+ **Văn chính luận** : ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, bằng chứng giàu sức thuyết phục và đa dạng về bút pháp.

+ **Truyện và kí** : hiện đại, có tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén.

+ **Thơ** : có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại; giữa chất trữ tình và chất thép; giữa trong sáng, giản dị và sự hàm súc, sâu sắc.

- Lí giải: Hồ Chí Minh quan niệm văn chương là vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Khi cầm bút Người bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung, hình thức của tác phẩm. Cho nên, tùy trường hợp cụ thể, Người đã tạo ra những tác phẩm văn chương không chỉ có nội dung tư tưởng sâu sắc mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng, tạo nên một phong cách riêng độc đáo.

6. Quan điểm sáng tác văn học của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh .

- HCM xem văn nghệ là một hoạt động tinh thần phong phú và phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng ; nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng, góp phần đấu tranh cho sự phát triển xã hội :

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”)

- HCM luôn chú trọng đến tính dân tộc và tính chân thật : Người yêu cầu người nghệ sĩ phải miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn những đề tài phong phú của hiện thực cách mạng.

- Trước khi cầm bút, bao giờ Người luôn xác định đối tượng và mục đích sáng tác rồi sau đó mới lựa chọn nội dung và hình thức cho phù hợp (Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Và Viết như thế nào?).

7. Hãy cho biết hoàn cảnh và mục đích ra đời của *Tuyên ngôn độc lập*.

Trả lời:

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Ngày 19.8.1945 Cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Hà Nội. 26/8/195 Chủ tịch HCM từ chiến khu Việt Bắc về tới HN. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản TNĐL. Ngày 2/9/1945, trên quảng trường Ba Đình, HN, Người thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản TNĐL trước hàng chục vạn đồng bào.

- HCM viết và đọc bản TNĐL khi đế quốc thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta. Dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật; Quân Quốc dân đảng tiến vào từ phía Bắc; quân đội Anh tiến vào từ phía Nam; thực dân Pháp theo quân đồng minh tuyên bố : Đông Dương là đất “*bảo hộ*” của Pháp bị Nhật chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương phải thuộc quyền người Pháp.

b. Mục đích:

- Tuyên bố với nhân dân Việt Nam và nhân dân trên thế giới về nền độc lập dân tộc mà Việt Nam vừa giành được.

- Bác bỏ luận điệu xảo trá của thực dân Pháp khi chúng âm mưu trở lại tái chiếm nước ta.

- Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

8. *Tuyên ngôn độc lập* đã vạch rõ bản chất đen tối, xảo quyệt của thực dân Pháp bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử nào?

Trả lời:

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, chúng tuyên bố là làm nhiệm vụ “*bảo hộ*”, “*khai hóa*”, nhưng thực chất chúng hành động trái với nhân đạo và chính nghĩa.

Người đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta và với phe đồng minh. HCM đã tố cáo thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái gây bao nhiêu tội ác với nhân dân ta. Cụ thể: *về chính trị*, chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do, dân chủ nào, chúng thi hành luật pháp dã man, lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thực hiện chính sách ngu dân; *về kinh tế*, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, chúng kìm hãm các nhà tư sản dân tộc, bóc lột công nhân vô cùng tàn nhẫn. Chúng còn hèn nhát bán nước ta cho Nhật, khùng bỏ Việt Minh chống Nhật.

9. Vì sao Hồ Chí Minh lại mở đầu “Tuyên ngôn độc lập” của Việt Nam bằng cách trích dẫn “Tuyên ngôn độc lập” của Mĩ và “Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền” của Pháp?

Trả lời:

HCM mở đầu bản TNĐL của VN bằng việc trích dẫn “TNĐL” của Mĩ và “Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền” của Pháp để làm căn cứ cho bản TNĐL của VN. Đó là những bản tuyên ngôn tiên bộ, được cả thế giới thừa nhận. Mặt khác, Người trích Tuyên ngôn của Mĩ là để tranh thủ sự ủng hộ của Mĩ và phe Đồng minh. Người trích Tuyên ngôn của Pháp để sau đó buộc tội Pháp đã lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cước nước ta, làm trái với tinh thần tiên bộ của chính bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của cách mạng Pháp.

10. Cái tâm của Phạm Văn Đồng ở bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”?

Trả lời:

Cái tâm của Phạm Văn Đồng ở bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc” chính là tấm lòng, tâm huyết của một người cầm bút, một vị nguyên thủ quốc gia.

- Phạm Văn Đồng muốn thông qua bài viết này để giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ VN lúc bấy giờ. Đó là thời điểm khó khăn của cuộc kháng chiến chống Mĩ (1963). Phong trào đấu tranh chống Mĩ nổi lên mạnh mẽ, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre. Ngay từ đầu, tác giả đã nhấn mạnh ý nghĩa thời sự của việc nêu tấm gương của Nguyễn Đình Chiểu : “Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu...đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ dân tộc nhất là trong lúc này”.

- Phạm Văn Đồng muốn thông qua bài viết này để tưởng nhớ và tri ân Nguyễn Đình Chiểu, một “con người quang vinh của dân tộc” nhân kỉ niệm lần thứ 75 ngày ất (3/7/1888-3/7/1963) – Có thể xem bài viết này như một nén tâm nhang được Phạm Văn Đồng thắp lên trong ngày giỗ Đồ Chiểu.

11. Cho biết những thông tin có tính định hướng về hoàn cảnh sáng tác để học tốt bài “Tây Tiến” của Quang Dũng.

Trả lời:

- Tây Tiến là tên bài thơ, đồng thời là tên một đơn vị quân đội được thành lập từ đầu năm 1947, có nhiệm vụ ngược sông Mã, vượt rừng núi Tây Bắc, bắt liên lạc với bộ đội Lào để giải phóng vùng Thượng Lào.

- Phần đông bộ đội Tây Tiến là thanh niên, học sinh, sinh viên gốc Hà Nội mới lần đầu tiên vào bộ đội. Quang Dũng là đại đội trưởng của đơn vị Tây Tiến.

- Đến khoảng cuối năm 1948, Quang Dũng được lệnh chuyển sang đơn vị khác, ông không nguôi nỗi nhớ và viết “*Nhớ Tây Tiến*”. Tựa đề bài thơ sau đó chỉ giữ lại hai từ “*Tây Tiến*”.

12. Bút pháp chủ yếu của Quang Dũng ở bài “*Tây Tiến*” là gì? Điểm nhìn thiên nhiên và con người của tác giả ra sao?

Trả lời:

- Bút pháp chủ yếu của bài thơ “*Tây Tiến*” là bút pháp lãng mạn. Nhà thơ đã miêu tả những hình ảnh lớn lao, kỳ vĩ của núi rừng Tây Bắc, đồng thời phát hiện ra vẻ đẹp lãng mạn, nên thơ của con người miền Tây, của người lính Tây Tiến.

- Điểm nhìn của Quang Dũng ở bài thơ “*Tây Tiến*” là điểm nhìn mang tính sáng tạo nghệ thuật – Ông nhìn thiên nhiên ở nhiều điểm nhìn khác nhau, khi gần, khi xa, khi rộn ngọc (trước cái dữ dội, hoang vu), khi tình tứ (trước cái thơ mộng, gợi cảm). Ông nhìn con người khi với tinh thần chia sẻ (thấy tổn thương cả hình hài), khi với tấm lòng ngưỡng mộ (thấy trẻ trung, hào hoa).

13. Câu thơ nào trong bài “*Tây Tiến*” tác giả sử dụng *mĩ tự* (từ ngữ đẹp)? Hiệu quả nghệ thuật của việc dùng *mĩ tự* ra sao?

Trả lời:

- *Mĩ tự* chính là từ “*áo bào*”, là cách nói cho sang, cho đẹp để giảm nhẹ sự đau thương, để gia tăng sự trân trọng. Thực tế chẳng có áo bào nào cả, người lính hy sinh, thi hài được bọc trong tấm áo lính đơn sơ, chôn cất tạm bên đường hành quân, giữa rừng già.

- “*Anh về đất*” là cách nói tránh để chỉ sự hi sinh. Hoàn thành nhiệm vụ Tổ quốc giao, các anh lại về với đất mẹ, nằm trong lòng đất mẹ.

14. Nêu hoàn cảnh sáng tác và giá trị tư tưởng của bài thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu.

Trả lời:

- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, miền Bắc nước ta được giải phóng. Lịch sử đất nước bước sang trang mới. Tháng 10/1955, các cơ quan trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Nhân sự kiện có tính chất lịch sử này, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc*.

- *Việt Bắc* là một đỉnh cao của thơ cách mạng Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm được chia làm 2 phần:

+ Phần đầu tái hiện giai đoạn gian khổ nhưng vẻ vang của cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc nay đã trở thành những kỉ niệm sâu nặng trong lòng người cán bộ kháng chiến.

+ Phần sau nói lên sự gắn bó giữa miền ngược với miền xuôi trong viên cảnh đất nước hòa bình và kết thúc là lời ngợi ca công ơn của Bác, của Đảng đối với dân tộc.

15. Trong bài thơ “Việt Bắc”, Tố Hữu viết “Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, anh (chị) hãy xác định :”Mười lăm năm ấy” là khoảng thời gian nào, gắn với sự kiện lịch sử nào của cách mạng Việt Nam? Cái gì “thiết tha mặn nồng”?

Trả lời:

- “Mười lăm năm ấy” là khoảng thời gian từ năm 1940, khởi nghĩa Bắc Sơn, mở đầu cuộc kháng chiến chống Nhật đến năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- “*thiết tha mặn nồng*” là cụm từ chỉ tình cảm gắn bó thủy chung giữa cán bộ chính phủ và người dân Việt Bắc trong 15 năm chung sống.

16. Trình bày những nét chính trong phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

Trả lời:

a. Về nội dung: Thơ Tố Hữu mang phong cách *trữ tình chính trị sâu sắc*.

- Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái *ta* chung.
 - Trong việc miêu tả đời sống thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.
 - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, đắm thắm, chân thành.

b. Về nghệ thuật: Thơ Tố Hữu mang *phong cách dân tộc rất đậm đà*.

- **Thể thơ:** Vận dụng thành công thể thơ lục bát của dân tộc; thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên.

- **Ngôn ngữ:** dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt.

17. Tính dân tộc của bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu được thể hiện ở những điểm nào?

Trả lời:

Tính dân tộc của bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu được thể hiện sinh động, phong phú qua hai phương diện nội dung và nghệ thuật:

- **Về nội dung:** Viết về cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì gian khổ nhưng rất đỗi anh hùng của dân tộc. Tái hiện rõ nét thiên nhiên và con người đậm đà màu sắc dân tộc. Làm rõ tình cảm giữa người cán bộ và nhân dân, một tình cảm cách mạng có tính cội nguồn là tình cảm yêu nước, ân tình, thủy chung trong truyền thống đạo lý dân tộc.

- **Về nghệ thuật:** sử dụng thể thơ dân tộc (lục bát). Sử dụng lối kết cấu đối đáp trong ca dao dân ca truyền thống. sử dụng cách xưng hô quen thuộc trong ca dao “*ta – mình*”. Sử dụng hình thức so sánh, ẩn dụ, ước lệ, ..trong ca dao.

18. Trong chương thơ “Đất Nước” (trường ca Mặt đường khát vọng), Nguyễn Khoa Điềm viết “Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”. Cho biết nét khác nhau giữa hình ảnh “gừng, muối” trong thơ Nguyễn Khoa Điềm và hình ảnh “gừng, muối” trong ca dao?

Trả lời:

- Trong ca dao, hình ảnh “muối – gừng” là hình ảnh tượng trưng cho *tình yêu đôi lứa mặn nồng, lâu bền* :

“Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hầy còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày
Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn chín ngàn ngày mới xa”

Hay:

“Tay bưng chén muối đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”

- Trong thơ Nguyễn Khoa Điềm, hình ảnh “muối – gừng” là một tứ thơ thể hiện cái ý thơ *ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc*. Một dân tộc trọng nghĩa, trọng tình:

“Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”

- Do có sự khác nhau về ý tưởng nên giọng điệu cũng khác nhau. Giọng điệu bài ca dao là giọng điệu trao duyên, thể nguyên ngọt ngào, đầm thắm. Giọng điệu trong thơ Nguyễn Khoa Điềm là giọng hồi tưởng, có sắc thái trang trọng, kính ngưỡng.

19. Đọc chương thơ “Đất Nước” (trường ca Mặt đường khát vọng) thấy vừa lạ vừa quen – xác định cái “lạ” và cái “quen” ấy trong chương thơ.

Trả lời:

- Quen là bởi tác giả sử dụng chất liệu văn hóa dân gian khá đậm đặc trong chương thơ. Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (cái giần, cái sắn, cái kèo, cái cột,..), có ca dao, truyền thuyết, cổ tích,..có khi dẫn nguyên văn, có khi chỉ gọi ra một vài chữ, một hình ảnh chi tiết (miếng trầu, cây tre,...)

- Lạ là bởi tác giả đã biến những chất liệu văn hóa dân gian thành thi liệu để tạo ra những tứ thơ mang ý tưởng khác với dân gian. Chẳng hạn, cùng là hình ảnh “muối – gừng” nhưng trong ca dao là thể hiện tình yêu đôi lứa, trong thơ Nguyễn Khoa Điềm lại thể hiện đạo lí dân tộc.

20. Dấu ấn nghệ thuật riêng trong câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm ở chương thơ Đất Nước (trường ca Mặt đường khát vọng) là gì? Dẫn ra hai câu thơ mang dấu ấn riêng ấy?

Trả lời:

- Dấu ấn nghệ thuật rõ nhất là *câu thơ điệu nói*. Rất nhiều câu thơ tự nhiên như lời nói của miệng “tóc mẹ thì bới sau đầu”, “cái kèo cái cột thành tên”. “Đất Nước có từ ngày đó”,..

- Với câu *thơ trữ tình điệu nói* Nguyễn Khoa Điềm đã tìm được một lối diễn đạt rất gần gũi, quen thuộc cho người đọc. Lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân được đưa vào thơ một cách tự nhiên, hồn nhiên, không hề đẽo gọt gì cả.

21. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh *sóng* và mối quan hệ giữa hai hình tượng *sóng* và *em* trong bài thơ *sóng* của Xuân Quỳnh.

Trả lời:

- “Sóng” là hình ảnh ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu, là sự hóa thân, phân thân của nhân vật trữ tình.

- “Sóng” là “em” và “em” cũng là “Sóng”. Hai hình tượng này tuy hai mà một, có lúc tách đôi ra để soi chiếu cho nhau, có lúc lại hòa nhập vào nhau để tạo ra sự cộng hưởng. Hai hình tượng ấy đan cài, quấn quýt với nhau như hình với bóng.

- Tác giả mượn hình ảnh “sóng” để thể hiện nhưng cảm xúc, cung bậc tình cảm của một trái tim khao khát yêu đương.

22. Câu thơ, khổ thơ nào trong bài “Sóng” của Xuân Quỳnh mà anh (chị) thích nhất? Chỉ ra ý tưởng của nhà thơ ở câu thơ, đoạn thơ ấy?

Trả lời:

Trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh có không ít nhưng câu thơ, khổ thơ người đọc thích. Bởi vì nó bất ngờ, thú vị đối với người đọc ở sự phát hiện và suy ngẫm của tác giả về tình yêu đôi lứa, hạnh phúc đời thường. Chẳng hạn:

*“Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau”*

Làm sao biết được. Vì tình yêu lạ lùng, bí ẩn vô cùng. Và bởi lạ lùng, bí ẩn nên con người mới có cái khát khao đợi chờ, tìm kiếm. Muôn đời vẫn thế.

23. Cho biết thể thơ, nhịp điệu và âm hưởng chung của bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh?

Trả lời:

- Nhịp điệu bài thơ được hình thành từ khổ thơ 5 chữ với cách ngắt nhịp, hòa âm linh hoạt : khi dục êm, khi khoan thai, khi dồn dập, dữ dội.

- Âm hưởng bài thơ là âm hưởng của những “con sóng lòng” của tác giả được khơi dậy khi đứng trước biển. Nó triền miên, thao thức, dạt dào vô tận như những con sóng biển vô hạn, vô hồi.

24. Khổ thơ “Sóng”, Xuân Quỳnh viết:

*“Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ”*

Anh (chị) cho biết “Biển lớn tình yêu” mà Xuân Quỳnh nói tới trong khổ thơ là gì?

Trả lời:

“Biển lớn tình yêu” mà Xuân Quỳnh nói tới trong khổ thơ trên đó chính là tình yêu – một tình yêu sâu rộng tựa như biển lớn, là sự trường tồn vĩnh hằng của tình yêu. Cuộc đời ngắn ngủi (hữu hạn) , mọi thứ rồi sẽ đi qua, làm sao để giữ tình yêu mãi mãi là một khát vọng rất đẹp, rất nữ tính của nữ sĩ Xuân Quỳnh.

25. Những đặc điểm nào về thân thế sự nghiệp của Lor ca đã giúp cho anh (chị) hiểu sâu sắc về bài thơ “Đàn ghita của Lor-ca”.

- Lor- ca (1898 – 1936) là một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha. Từ nhỏ, ông được coi là thần đồng với năng khiếu thiên bẩm trên nhiều lĩnh vực của nghệ thuật : thơ ca, hội họa, âm nhạc, sân khấu,.. Tốt nghiệp đại học Luật, ông lên thủ đô tham gia vào đời sống nghệ thuật, vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật.

Sự xuất hiện của Lorca và nhiều tài năng nghệ thuật khác cùng hoạt động nghệ thuật nhân đạo của họ lúc bấy giờ đã khiến cho đời sống tinh thần của Tây Ban Nha và cả một vùng rộng lớn thuộc khu vực Tây Âu trở nên sôi động. Đây là nguyên nhân khiến ông bị bắt và bị giết bởi chế độ phát xít Phrăng - cô. Cái chết của Lor - ca đã làm dâng lên một làn sóng mạnh mẽ trên thế giới phản đối chế độ cai trị độc tài lúc bấy giờ. Tên tuổi của ông trở thành một biểu tượng, thành nọc cờ tập hợp các nhà văn hoá Tây Ban Nha và thế giới chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền văn hoá dân tộc và văn minh nhân loại.

26. Trong bài “Đàn ghita của Lor-ca”, Thanh Thảo chọn một câu thơ nổi tiếng của Lor-ca để làm đề từ “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”, anh (chị) hiểu Lor-ca muốn nói gì qua câu nói ấy?

Trả lời:

- Đây là câu thơ nổi tiếng của Lorca trong bài “Ghi nhớ” (“*Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn*”), câu thơ được xem là lời di chúc của Lorca.
- Lời di chúc của Lorca không đơn thuần nói lên tình yêu của Lorca đối với nghệ thuật, đối với xứ sở Tây Ban cầm. Mà sâu hơn nữa, đó còn là lời căn dặn của thiên tài đối với các thế hệ sau : Nhưng người đến sau hãy vượt qua tôi, quên tôi để bước tới. Đừng vì ngưỡng mộ tôi mà để cho cuộc cách tân nghệ thuật dừng lại.

27. Hoàn cảnh sáng tác và chủ đề của tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

- **HCST:** *Người lái đò sông Đà* là kết quả của nhiều dịp đến với Tây Bắc của nhà văn, đặc biệt là chuyến đi thực tế năm 1958. Đây là một trong số 15 bài tùy bút của Nguyễn Tuân in trong tập *Sông Đà* xuất bản năm 1960. Lần đầu xuất bản, bài này có tên là *Sông Đà*, năm 1982 khi cho in lại trong tuyển tập Nguyễn Tuân, tác giả có sửa đổi tên bài thành *Người lái đò sông Đà*.

- **Chủ đề:** Qua hình ảnh con sông Đà hung bạo và thơ mộng, người lái đò bình dị mà dũng cảm, tài hoa, Nguyễn Tuân ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc của Tổ quốc.

28. Trong *Người lái đò sông Đà*, NT đã phát hiện ra những đặc điểm nào của sông Đà? Những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc được NT vận dụng để làm nổi bật những phát hiện của mình?

- Viết về Sông Đà, NT có nhiều phát hiện. Ông thấy mọi con sông đều chảy về phía đông, riêng con sông Đà chảy một mình lên phía bắc và hai nét nổi bật của sông Đà là hung bạo và trữ tình.

- Để làm nổi bật tính chất hung bạo và trữ tình của con sông, tác giả đã vận dụng kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật :

+ Nhân hoá : Đá trên thác sông Đà mai phục, hung dữ bày thạch trận để tiêu diệt bất cứ con thuyền nào dám vượt thác. Nước cũng vậy, chúng thờ, kêu rống lên. Nước hòa với đá để đánh những miếng đòn “hiểm độc nhất”.

+ Nghệ thuật trùng điệp và miêu tả : thể hiện rõ nét chất thơ mộng, trữ tình của con sông “tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt

nương xuân”. Con sông còn đẹp với mùa xuân nước xanh ngọc bích, mùa thu về thì nước lừ lừ chín đỏ.

+ Ngoài ra tác giả còn sử dụng nhiều cách so sánh những hình ảnh của đá, của nước, của thác với con thuyền, người lái đò, cuộc vượt thác như một trận thủy chiến.

29. Nêu ngắn gọn những hiểu biết của mình về phong cách nghệ thuật và cảm hứng chủ đạo trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

Trả lời:

- Là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân: uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, rộng rãi, nhằm tìm ra những câu chữ xác đáng nhất.

- Cho thấy một diện mạo mới của Nguyễn Tuân sau cách mạng, luôn khát khao được hòa nhịp với đất nước, với cuộc đời (không giống Nguyễn Tuân trước cách mạng, con người chỉ muốn “xê dịch” cho khuây cảm giác “thiếu quê hương”).

- Cảm hứng chủ đạo: Nhiệt tình ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân của một nhà văn mà trái tim đang tràn đầy niềm hứng khởi khi thấy nay mình đã có đất nước, mình đã không còn “thiếu quê hương”.

30. Anh Chị hãy dịch nghĩa câu thơ của Nguyễn Quang Bích mà Nguyễn Tuân dẫn ra để làm đề từ cho bài kí “Người lái đò sông Đà”:

*“Chúng thủy giai đông tẩu
Đà giang độc bắc lưu”*

Trả lời:

- Câu thơ có nghĩa như sau: Mọi con sông đều chảy về hướng đông, riêng một mình sông Đà lại ngược lên phía bắc trước khi trở ra biển.

- Chính cái nghịch dòng đó đã tạo ra nét riêng của sông Đà: lắm thác, nhiều ghềnh, đá bầy thạch trận, hang động kì thú ở thượng nguồn.

31. Phóng túng và bay bổng là một nét riêng trong cách viết của Nguyễn Tuân. Anh (chị) hãy trích dẫn một câu văn trong bài kí “Người lái đò sông Đà” nói lên nét đẹp trữ tình của con sông.

Trả lời:

Phóng túng và bay bổng là một nét riêng trong cách viết của Nguyễn Tuân. Trong bài tùy bút “Người lái đò sông Đà” có rất nhiều câu rất phóng túng và bay bổng. Chẳng hạn, để miêu tả nét đẹp trữ tình của con sông Nguyễn Tuân viết:

“Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”.

32. Nguyễn Tuân đã phát hiện ra nhưng đặc điểm nào của sông Đà? Nhưng thủ pháp nghệ thuật đặc sắc được Nguyễn Tuân vận dụng để làm nổi bật những phát hiện của mình.

Trả lời:

- Viết về sông Đà, Nguyễn Tuân có nhiều phát hiện. Ông thấy mọi con sông đều chảy về phía đông, riêng một mình sông Đà lại ngược lên phía bắc trước khi trở ra biển và hai nét nổi bật nhất của sông Đà là hung bạo và trữ tình.

- Để làm nổi bật hai tính chất hung bạo và trữ tình của con sông, tác giả đã vận dụng kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật:

+ Đầu tiên, phải kể đến biện pháp nhân hóa. Đá và thác sông Đà mai phục, hung dữ bày thạch trận để tiêu diệt bất cứ con thuyền nào dám vượt thác. Nước cũng vậy, chúng thờ, kêu rống lên. Nước cũng vào hòa với đá để đánh những miếng đòn “hiểm độc nhất”.

+ Tiếp theo, nghệ thuật trùng điệp và miêu tả đã giúp Nguyễn Tuân thể hiện rõ nét trữ tình, thơ mộng của con sông “*Con sông Đà tuôn dài tuôn dài ...núi Mèo đót nương xuân*”. Con sông còn đẹp với mùa xuân nước xanh màu ngọc bích, mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ.

+ Nhà văn còn sử dụng nhiều cách so sánh, ngôn ngữ của các ngành quân sự, điện ảnh, thủy điện,.. để miêu tả những hình ảnh của đá, của nước, của thác với con thuyền, người lái đò, cuộc vượt thác như một trận thủy chiến,...

➔ Tất cả làm cho bài tùy bút sống động và hấp dẫn.

33. Con sông Đà đã được người thời nay sử dụng làm thủy điện để phát triển kinh tế đất nước. Anh (chị) hãy viết vài dòng chia sẻ với Nguyễn Tuân để cố nhà văn thân yêu của chúng ta đỡ buồn ở thế giới thần tiên.

Trả lời:

Có thể viết theo ý riêng củ mình, nhưng phải thể hiện được 2 ý: thương nhớ, tiếc nuối con sông hùng vĩ, thơ mộng một thời và chia sẻ một thoáng buồn với cố nhà văn Nguyễn Tuân. Sau đây là vài dòng mang tính gợi ý:

“*Thưa nhà văn Nguyễn Tuân, Người tình muôn đời của sông Đà! Nhìn khói nhà máy thủy điện và nghe tiếng ầm ầm của những tuốc-bin hơi nước, tôi lại ngẩn ngơ tiếc nuối con sông Đà thơ mộng hùng vĩ của một thời....*”

34. Đa tình và mê đắm là một nét riêng trong cách viết kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Anh (chị) hãy dẫn ra hai chỗ tác giả ví von khi tả sông Hương ở thượng nguồn và sông Hương chảy qua thành phố Huế ở bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”

Trả lời:

Đa tình và mê đắm là một nét riêng trong cách viết kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Ta thử lắng nghe tác giả ví von khi tả sông Hương ở thượng nguồn và sông Hương chảy qua thành phố Huế ở bài kí “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*”

- “*Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại.*(Thượng nguồn).

- “*Giáp mặt thành phốsông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ ...dòng sông mềm hẳn đi như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu*” (khi vào thành phố).

35. Bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường thuộc giai đoạn văn học nào? Đóng góp rõ nét nhất của Hoàng Phủ Ngọc Tường ở tác phẩm này là gì?

Trả lời:

- Bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường được viết năm 1981, thuộc giai đoạn văn học từ sau 1975 đến hết thế kỉ XX.
- Đóng góp rõ nét nhất của Hoàng Phủ Ngọc Tường ở tác phẩm này là:
 - + Tạo ra một lối hành văn hướng nội, tài hoa, súc tích, mê đắm trong cách nhìn, cách cảm nhận và cách tả sự vật hiện tượng.
 - + Phát huy mạnh mẽ cá tính sáng tạo riêng của người cầm bút, đem đến cho người đọc cái nhìn mới lạ về một con sông dường như đã quá quen thuộc với nhiều người.

36. Anh (chị) hiểu như thế nào là “lối hành văn hướng nội”? Lối hành văn đó ra sao trong bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Trả lời:

- “Nội” ở đây là “nội cảm” là cái cảm nhận riêng của người viết. “Lối hành văn hướng nội” là lối viết hướng vào cái cảm nhận riêng của từng tác giả. “Nội” còn được hiểu là cái bề sâu bên trong của sự việc, hiện tượng. Người viết cố gắng phát hiện cho ra cái bề sâu bên trong của sự việc, hiện tượng là “lối hành văn hướng nội”.
- Ở bài kí này, HPNT đã thể hiện mọi lối hành văn hướng nội rất rõ:
 - + Đó là sự đào sâu “cái tôi” của nhà văn. Một “cái tôi” vừa tài hoa vừa mê đắm cái đẹp.
 - + Đó là sự tìm tòi, phát hiện riêng rất sâu về sông Hương từ nhiều góc nhìn khác nhau: địa lí, lịch sử, văn hóa, ...

37. Cách tiếp cận sông Đà của Nguyễn Tuân và sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường có những điểm tương đồng và khác biệt gì? Hãy chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt đó.

Trả lời:

a. Giống nhau:

- Cùng viết tùy bút về một dòng sông.
- Huy động nhiều vốn kiến thức địa lí, lịch sử, văn hóa, ..
- Thể hiện rõ rệt “cái tôi” tài hoa, độc đáo.

b. Khác nhau:

Nguyễn Tuân với sông Đà	Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương
<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác hai mặt hung bạo và trữ tình của dòng sông. - Qua dòng sông, ca ngợi con người lao động, chất vàng mười của vùng Tây Bắc. - Sử dụng các kiến thức của điện ảnh, hội họa, quân sự, thủy điện, .. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác các vẻ đẹp khác nhau của dòng sông. - Ca ngợi dòng sông, ca ngợi Huế, ca ngợi quê hương đất nước. - Khai thác chiều sâu lịch sử và văn hóa.

38. Trình bày hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài.

Trả lời:

Truyện *Vợ chồng A Phủ* in trong tập truyện *Tây Bắc* – tập truyện được trao giải nhất về truyện, kí - Giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam 1954-1955. *Truyện Tây Bắc* là kết quả của chuyến thâm nhập thực tế của Tô Hoài cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc (1952). Trong chuyến đi này, Tô Hoài đã sống và gắn bó nghĩa tình với đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông,.. Và chính cuộc sống của đồng bào các dân tộc miền núi đã khơi nguồn cảm hứng sáng tạo để Tô Hoài hoàn thành ba truyện ngắn : *Cứu đất cứu mường, Mường Giôn và Vợ chồng A Phủ*.

39. Tóm tắt truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

- Hai chị em Chiến, Việt sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng và có mối thù sâu nặng với bọn Đế quốc và phong kiến.
- Cả hai chị em cùng xin đi bộ đội để trả thù nhà nợ nước.
- Trong một trận đánh lớn, Việt phá được một xe tăng bọc thép của Mỹ, anh bị thương và lạc đồng đội suốt ba ngày đêm.
- Anh bị mê sảng, sau ngều lần ngất đi rồi tỉnh lại dòng hồi ức về gia đình chợt hiện về (Chú Năm, má, chị Chiến,..).
- Anh Tánh cùng đồng đội tìm thấy Việt và đưa về đơn vị.
- Khi vết thương sắp lành, anh Tánh nhắc Việt viết thư cho chị Chiến.

40. Nêu ý nghĩa nhan đề *Những đứa con trong gia đình* và chủ đề của thiên truyện ngắn này của Nguyễn Thi.

Trả lời:

a. Ý nghĩa nhan đề: Nhan đề *Những đứa con trong gia đình* không chỉ có giá trị thông báo về vị trí thế hệ của hai nhân vật chính mà gợi nhiều ý nghĩa:

- Đó là những con người được nuôi dưỡng và trưởng thành trong gia đình có truyền thống tốt đẹp, đáng tự hào.
- Họ là những con người đã tiếp nối xứng đáng truyền thống cách mạng của gia đình.
- Khẳng định, ngợi ca mối liên kết bền chặt, thiêng liêng giữa các thế hệ trong gia đình, giữa con người với gia đình.

b. Chủ đề: Qua hồi ức của Việt khi bị thương về những thành viên trong gia đình, tác giả ca ngợi tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng của một gia đình cũng là của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Đế quốc Mỹ xâm lược.

41. Nêu những đặc sắc về nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Thi trong tác phẩm *Những đứa con trong gia đình*.

- Về nghệ thuật tạo tình huống truyện : nhân vật Việt rơi vào một tình huống đặc biệt (trong một trận đánh bị thương nặng phải nằm lại ở chiến trường, bị lạc đồng đội, nhiều lần ngất đi rồi tỉnh lại).

- Về nghệ thuật trần thuật : theo cách kể tự giấu mình, nhưng cách nhìn và lời kể lại theo ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật (lời kể nửa trực tiếp).
- Về nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật : miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo, đậm tính cách Nam Bộ.
- Ngôn ngữ phong phú, giàu giá trị tạo hình, góc cạnh và đậm chất Nam Bộ.

42. Những người trong gia đình của Việt gắn bó với nhau như thế nào? (giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc).

Trả lời:

- Những người trong gia đình của Việt gắn bó với nhau bằng tình ruột thịt, nhưng còn gắn bó với nhau bởi truyền thống gia đình, bởi tình yêu nước và lòng trung thành với cách mạng.
 - Không phải ngẫu nhiên mà những thành viên trong gia đình đều có một lòng căm thù giặc sâu sắc, một quyết tâm đánh giặc cứu nước. Trong cái chung đó, mỗi người lại thể hiện tình yêu nước theo kiểu riêng của mình (Chú Năm với cuốn sổ gia phả, Việt, Chiến tranh đi bộ đội,...).
- ➔ Một gia đình yêu thương, đùm bọc, lo lắng cho nhau, đồng thời quyết tâm theo cách mạng đến cùng.

43. Trong *Những đứa con trong gia đình*, chuyện được thuật lại chủ yếu qua dòng hồi tưởng của nhân vật nào? Sự thuật lại như vậy có tác dụng thế nào với kết cấu truyện và đối với việc thể hiện các nhân vật, tình tiết.

Trả lời:

- Chuyện được thuật lại chủ yếu qua dòng hồi tưởng của nhân vật Việt. Lúc này Việt bị thương nặng. Dòng hồi ức của Việt đứt nối sau những lần ngất đi, tỉnh lại.
- Lối kết cấu dựa vào dòng hồi tưởng như thế làm cho truyện giàu cảm xúc, diễn biến linh hoạt, không phụ thuộc vào thời gian. Mỗi lần liên tưởng, một số sự kiện được chấp nối và các thành viên trong gia đình lần lượt hiện ra, được tô đậm dần dần. Đồng thời bản thân người hồi tưởng cũng dần dần thể hiện được bản lĩnh và tính cách của mình, đặc biệt là trong mối quan hệ với các thành viên trong gia đình.

44. Trình bày hoàn cảnh sáng tác của Truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Trả lời:

- Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc của Kim Lân có tiền thân là tiểu thuyết “*Xóm ngụ cư*” viết ngay sau cách mạng tháng Tám nhưng bị mất bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại năm 1954, tác giả dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.
- Truyện ngắn *Vợ nhặt* được lấy bối cảnh từ nạn đói khủng khiếp miền Bắc năm 1945.

45. Nêu ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Trả lời:

- *Vợ nhặt* : tạo được sự chú ý cho người đọc. Đây không phải là cảnh lấy vợ đàng hoàng, có ăn hỏi, cưới xin theo phong tục truyền thống của người Việt, mà chỉ là “*nhặt được vợ*”.
- Ý nghĩa:

+ Tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 (hơn 2 triệu người chết đói). Trong hoàn cảnh đói khát ấy → giá trị con người thật rẻ rúng.

+ Ca ngợi những con người nghèo khổ nhưng có tấm lòng yêu thương, đùm bọc con người.

46. Từ những tình tiết chính và tên truyện *Vợ nhặt*, anh (chị) nhận xét gì về số phận người phụ nữ nông thôn trước Cách mạng qua nhân vật vợ Tràng?

Trả lời:

- Anh Tràng có vợ gây ngạc nhiên cho hàng xóm. Họ ngạc nhiên vì một người nghèo như Tràng bỗng nhiên có được vợ, nhất là trong hoàn cảnh nạn đói đang đe dọa đến từng kiếp người.

- Người đàn bà nhận lời làm vợ Tràng là một người đàn bà không tên, không rõ nguồn gốc. Chị không có công ăn việc làm, ngồi vêu ở cửa nhà kho, tính khí lại cong cớn, táo bạo.

- Chỉ gặp hai lần, chị đã không khách khí ăn liền một lúc bốn bát bánh đúc, rồi theo câu gợi ý của Tràng, chị đồng ý theo Tràng làm vợ. Đúng là anh ta đã nhặt được chị - nhặt được vợ ở ngoài chợ, như người ta nhặt được một đồ vật vô chủ rơi vãi.

- Từ một con người chao chát, chông lòn, cong cớn, chị trở nên rụt rè, hiền hậu đúng mực. Đây là số phận bi thảm của con người trong bước đường cùng. Nhưng dù thế nào người đàn bà ấy vẫn khao khát có một gia đình.

47. Hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

Trả lời:

Mùa hè năm 1962 Nguyễn Trung Thành trở lại chiến trường miền Nam vừa chiến đấu vừa sáng tác. Mùa hè năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu đổ quân ào ạt vào chiến trường miền Nam, các chiến dịch càn quét được tổ chức quy mô và rầm rộ hơn. Trong hoàn cảnh ấy, nhà văn viết *Rừng xà nu* như một biểu tượng cho tinh thần bất khuất kiên cường của đồng bào Tây Nguyên nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

48. Nhận xét sự tài tình của Nguyễn Trung Thành trong việc miêu tả cảnh rừng xà nu nằm trong tầm đại bác.

Trả lời:

- Đây là những dòng tả cảnh hiếm có, được làm nên bởi một ngòi bút biết dùng con chữ để hòa hợp các sắc màu, chạm khắc thành hình khối, tạo nên mùi hương, tạo nên ánh sáng và sức nóng,... Tác giả đã viết nhiều câu văn đẹp lạ lùng, có sức gây ấn tượng thật khó quên trong lòng người đọc; ví dụ như: “*Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn*”, hay “*Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lông lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng*”.

- Những câu văn như thế không chỉ góp phần đem lại cho tác phẩm một thứ hương vị kì thú của Tây Nguyên, mà còn có khả năng làm cho chúng ta được cùng với tác giả thấy ngất ngưởng khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

49. Các tác phẩm “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành, “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi đều viết về chủ đề anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, song mỗi tác phẩm lại có những khám phá, sáng tạo riêng trong việc thể hiện chủ đề chung đó. Cho biết nét sáng tạo đó là gì?

Trả lời:

- “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành là tác phẩm khơi gợi rõ nhất âm hưởng sử thi. Qua câu chuyện về cuộc đời bi tráng của Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man, tác phẩm nói lên một chân lí tất yếu đối với cách mạng miền Nam lúc đó : phải lấy bạo lực cách mạng để trấn áp bạo lực phản cách mạng.

- “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi lại biểu hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng dưới một cách tiếp cận khác – đó là cách tiếp cận truyền thống lịch sử, truyền thống từ mỗi gia đình. Khai thác truyền thống đánh giặc trong gia đình của Chiến và Việt, Nguyễn Thi đã nói lên vẻ đẹp của sự hy sinh thầm lặng và cao cả của mỗi người, mỗi gia đình trong chiến tranh. Cuộc chiến đấu thần kì của dân tộc thắng lợi được chính là nhờ những hạt nhân như thế.

50. Nêu xuất xứ và chủ đề của truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

Trả lời:

a. Xuất xứ: Chiếc thuyền ngoài xa được viết năm 1983 là truyện ngắn in đậm phong cách tự sự - triết lí của Nguyễn Minh Châu. Với ngôn từ dung dị, đời thường, truyện kể lại chuyện đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của ông về nghệ thuật và cuộc đời.

b. Chủ đề: Bằng tài năng của một cây bút giàu bản lĩnh, qua tác phẩm Nguyễn Minh Châu đã thể hiện tình yêu tha thiết đối với những cảnh đời, thân phận trớ trêu của con người và gửi gắm chiêm nghiệm sâu sắc của mình về nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính phải luôn luôn gắn với cuộc đời và vì cuộc đời; người nghệ sĩ không thể nhìn đời một cách đơn giản, cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện, nhiều chiều.

51. Trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu đã xây dựng tình huống truyện mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Anh (chị) hãy làm rõ điều đó.

Trả lời:

-Nghệ sĩ Phùng đến ven biển miền Trung chụp tấm ảnh cho cuốn lịch năm sau, anh thấy *cảnh đẹp như tranh vẽ*. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, anh lại chứng kiến *cảnh người chồng đánh đập vợ*, những ngày tiếp theo cảnh ấy vẫn tiếp diễn. Anh nhận ra đó là nghịch lí giữa nghệ thuật với cuộc đời.

- Tình huống truyện mang ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, nhấn mạnh mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

52. Nêu xuất xứ và chủ đề của truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

- *Chiếc thuyền ngoài xa* được Nguyễn Minh Châu sáng tác vào tháng 8 năm 1983, in trong tập truyện ngắn cùng tên, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, 1987.

- Truyện kể về người đàn bà hàng chài với nhiều nỗi đau buồn qua sự chứng kiến của người nghệ sĩ nhiếp ảnh tên Phùng. Tác phẩm không chỉ nói lên mối quan hệ giữa nghệ thuật và hiện thực mà qua đó còn là sự khám phá của tác giả về con người và cuộc sống xung quanh ta.

53. Cho biết ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*.

Trả lời:

- Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* là một ẩn dụ về **mối quan giữa cuộc đời và nghệ thuật**. Đó là chiếc thuyền có thật trong cuộc đời, là không gian sinh hoạt của gia đình người đàn bà hàng chài. Ở đó, ngoài vợ chồng họ còn có cả một đàn con. Cuộc sống khó khăn đói kém, nơi ở chật chội,.. làm con người thay đổi tâm tính. Trước đây, anh là một người hiền lành, lấy chị - một người đàn bà xấu xí nhưng hết sức chăm lo cho cuộc sống gia đình; đông con, khó kiếm ăn, cuộc sống túng quẫn là nguyên nhân làm cho người chồng trở nên cục cằn, thô lỗ và biến vợ thành đối tượng của những trận đòn. Những cảnh tượng đó, những thân phận đó nếu nhìn từ xa, ở ngoài xa thì sẽ không thấy được.

- Nhưng cũng chính vì ở ngoài xa nên con thuyền mới đơn độc. **Đó là sự đơn độc của con thuyền nghệ thuật** trên đại dương cuộc sống, đơn độc của con người trong cuộc đời. Chính sự thiếu gần gũi, chia sẻ ấy là nguyên nhân của bế tắc và làm lạc. Phùng đã chụp được *cảnh chiếc thuyền ngoài xa trong sương sớm- một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích, một chân lí của sự toàn thiện..* Chiếc thuyền là biểu tượng cho sự toàn mỹ mà chiêm ngưỡng nó, anh thấy tâm hồn mình *trong ngần*. Nhưng khi chiếc thuyền đâm thẳng vào bờ, chứng kiến cảnh đánh vợ của người đàn ông kia, anh đã *kinh ngạc...và vứt chiếc máy ảnh xuống đất*. Anh nhận ra rằng, cái đẹp ngoài xa kia cũng ẩn chứa nhiều oái oăm, ngang trái và nghịch lý. Nếu ko đến gần thì chẳng bao giờ anh phát hiện ra. Xa và gần, bên ngoài và thăm sâu...đó cũng chính là cách nhìn, cách tiếp cận của nghệ thuật chân chính.

54. Hoàn cảnh ra đời của vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ.

Trả lời:

Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những vở kịch gây được nhiều tiếng vang nhất của Lưu Quang Vũ. Vở kịch được viết từ năm 1981, nhưng đến năm 1984 mới lần đầu ra mắt công chúng. Nhanh chóng tạo được nhiều thiện cảm với người xem, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* đã được công diễn nhiều lần trên các sân khấu trong và ngoài nước.

Đoạn được học trích từ cảnh VII và đoạn kết của vở kịch, diễn tả sự đau khổ, dằn vặt và quyết định cuối cùng vô cùng cao thượng của Hồn Trương Ba.

55. Ý nghĩa tư tưởng của đoạn trích vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ.

Trả lời:

Cuộc sống của con người thật quý giá, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình muốn và theo đuổi còn quý giá hơn. Cuộc sống hi thực dự có ý nghĩa khi người ta được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa tâm hồn và thể xác. Không thể đem lấp những mảng ghép khập khiễng hòng tạo nên những giá trị đích thực của cuộc sống. Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

56. Anh (chị) suy nghĩ gì về câu nói của Hồn Trương Ba “Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn là tôi toàn vẹn”.

Trả lời:

- Trương Ba ý thức rõ về cảnh ngộ trở trêu của mình. Anh ta thấm thía nỗi đau khổ vì nhận ra tình trạng vênh lệch giữa hồn và xác. Sống trong tình trạng **bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo** Hồn Trương Ba ngày càng trở nên xa lạ với người thân. Hồn Trương Ba không muốn sống nhờ thân xác người khác, anh muốn rời thân xác kèn càng, thô lỗ.

- Có lẽ Lưu Quang Vũ muốn nhắn gửi tới ta thông điệp : *không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thể xác phàm tục, tội lỗi*. Nếu phải sống gửi, sống nhờ, sống chấp vá thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa, và đầy tính bi hài.

57. Trong đoạn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt trích cảnh VII của vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt thể hiện ý nghĩa gì?

- Với những lí lẽ đầy cảm dỗ của xác hàng thịt, hồn Trương Ba đã có những lúc xao động, rồi kể đó là những nỗi dằn vặt, team8 trở về cuộc sống ngang trái của mình. Mọi thứ như nghẹn lại, đẩy hồn Trương Ba rơi vào sự bế tắc hoặc sống mà chấp nhận sự giỡn đùa của tạo hóa hoặc chết để được là chính bản thân mình.

- Đoạn đối thoại khẳng định ý nghĩa của sự thống nhất giữa linh hồn và thể xác, giữa tính cách và ngoại hình. Đây là một vấn đề có tính chất khái quát cao, bao trùm nhiều mặt của đời sống xã hội.

58. Ý nghĩa nha đề vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ.

- Nhan đề cho thấy tình cảnh trở trêu, mâu thuẫn, đau khổ của nhân vật Trương Ba khi tâm hồn thanh cao, nhân hậu phải ẩn trong thân xác hàng thịt thô lỗ, phàm tục.

- Đặt ra vấn đề : con người phải được sống là mình với những phẩm chất tốt đẹp, sống trong sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn.

B. Văn học nước ngoài:

1. Nêu ngắn gọn hoàn cảnh sống của nhân vật Andrây Xô -cô- lôp (trong truyện ngắn *Số phận con người*) sau chiến tranh.

Trả lời:

- Sau chiến tranh, Xô-cô-lốp trở về với nỗi đau mất mát lớn : gia đình thân yêu của anh bị chiến tranh cướp đi tất cả, anh trở nên trợ trợ, cô độc và luôn phải sống trong giày vò đau đớn về tinh thần cũng như những khó khăn về cuộc sống hiện tại (không nhà cửa, không người thân thích,..)

- Vượt lên cảnh ngộ đó, Xô-cô-lốp vẫn làm việc để kiếm sống, để vơi đi nỗi đau tinh thần và không trở thành gánh nặng cho xã hội.

2. Nêu hoàn cảnh sáng tác và chủ đề của truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp.

Trả lời:

- **Hoàn cảnh :** Truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp được công bố lần đầu trên báo sự thật, số ra ngày 31.12.1956 và 1.1.1957. Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với toàn bộ sự phát triển của nền văn xuôi Xô viết suốt giai đoạn sau này. Bởi, người ta có thể tìm thấy ở tác phẩm này những tìm tòi chủ yếu của văn học Xô viết hiện đại. Đây là tác phẩm đầu tiên trong văn học Xô viết, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh một cách toàn diện, chân thực. Về sau, truyện được in trong tập *Truyện Sông Đông*.

- **Chủ đề:** *Số phận con người* tập trung khám phá nỗi bất hạnh của con người sau chiến tranh. Song tuy viết về những đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra, tác giả vẫn giữ vững niềm tin ở tính cách Nga kiên cường cũng như lòng tin ở cuộc sống bao dung.

3. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp.

Trả lời:

a. Ý nghĩa tư tưởng:

- Đoạn trích khẳng định sức mạnh tiềm ẩn và những cống hiến của nhân dân Nga nói chung trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, đồng thời thể hiện lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường và nhân hậu, đồng cảm trước vô vàn khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc.

- Nhân vật trung tâm của tác phẩm là một người lính dũng cảm trong chiến đấu trước kẻ thù, một người lao động có trách nhiệm cao cả và nghị lực phi thường trong cuộc sống đời thường. Đặt nhân vật vào nhiều mối quan hệ với dân tộc, nhân dân, thời đại, gia đình,.. nhà văn đã nâng nhân vật lên tầm vóc sử thi. Nhân vật chính vừa là biểu tượng của nhân dân Nga, vừa là một số phận cá nhân với những cảnh ngộ, sự từng trải và bước đường đời rất riêng.

b. Đặc sắc nghệ thuật:

- Tác phẩm được kể theo ngôi thứ nhất, kết cấu theo trình tự thời gian. Số phận con người mang âm hưởng anh hùng ca về lòng dũng cảm, về tinh thần chịu đựng và sức mạnh tinh thần của con người Nga, tính cách Nga.

- Truyện được viết theo kiểu **truyện lồng trong truyện**; nhân vật tôi (tác giả) thuật lại câu chuyện anh nghe được từ Xô-cô-lốp. Tác phẩm có hai người kể chuyện: tác giả và nhân vật; nhà văn tạo được nhiều tình huống nghệ thuật đặc sắc để thử thách, khám phá chiều sâu tính cách Nga, con người Nga.

4. Nêu những hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn Sô-lô-khốp.

Trả lời:

- M. Sô-lô-khốp (1905 -1984) sinh tại một thị trấn của vùng sông Đông.
- Là nhà văn Xô viết lỗi lạc tham gia cách mạng khá sớm.
- Từng làm nhiều nghề để kiếm sống và luôn tự học.
- Trong thế chiến thứ hai ông là phóng viên mặt trận, rong ruổi khắp các chiến trường và viết nhiều bài chính luận, bài kí nổi tiếng.
- Ông được vinh dự nhận giải Nôben về văn học năm 1965.
- Các tác phẩm tiêu biểu:
 - + Số phận con người
 - + Sông Đông êm đềm.
 - + Đất vỡ hoang
 - + Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc,..
- Các tác phẩm của Sô- lô - khốp phản ánh một cách toàn diện về cuộc sống và con người trong chiến tranh.

5. Lòng nhân hậu của nhân vật Andrây Xô -cô- lốp được thể hiện thế nào trong truyện ngắn Số phận con người của Sô-lô-khốp.

Trả lời:

- Andrây Xô-cô-lốp đau khổ vô hạn vì những mất lớn lao trong chiến tranh.
- anh nhận bé Va-ni-a mồ côi làm con, anh yêu thương, chăm sóc chú bé như con đẻ của mình.
- Anh giấu chừa cho chú bé biết nhiều sự thật vì không muốn chú bé buồn.

6. Nêu những hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn Hê min uê.

Trả lời:

- Ông Hê min uê (1899-1961) sinh tại bang Illinois trong một gia đình trí thức ở Mỹ.
- Sau khi tốt nghiệp ông đi làm phóng viên chiến tranh. Bị thương ở chiến trường Italia, ông trở về Hoa kì.
- Thất vọng về xã hội đương thời, tự nhận mình thuộc *thế hệ mất mát*, không hòa nhập được với cuộc sống đương thời và đi tìm bình yên trong men rượu và tình yêu.
- Năm 1926 cho ra đời tiểu thuyết *Mặt trời vẫn mọc* và trở nên nổi tiếng.
- Là nhà văn vĩ đại nhất của nước Mỹ thế kỉ XX. Ông khai sinh lối văn kiệm lời, kiệm cảm xúc,..(nguyên lý tảng băng trôi).
- Dù viết về đề tài gì, ông cũng đều nhằm mục đích “**viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người**”.

- Nhận giải Nô- ben về văn học 1954.
- 1961 nhà văn tự sát.
- Các tác phẩm: *Giã từ vũ khí, Chuông nguyện hồn ai, Ông già và biển cả,..*

7. Anh (chị) hiểu như thế nào về nguyên lí “tảng băng trôi” của Hê min uê?

Thông qua hình ảnh ông già quật cường, bằng kĩ thuật điều luyện, đã chiến thắng con cá kiếm to lớn và hung dữ trong truyện Ông già và biển cả, nhà văn muốn gửi đến người đọc điều gì?

Trả lời:

“**Tảng băng trôi**” : dựa vào tự nhiên trong thực tế, tảng băng trên mặt nước chỉ có ba phần nổi, bảy phần chìm. Nhà văn sáng tạo theo nguyên lí đó:

- Nhà văn nhấn mạnh vào yếu tố hàm xúc, ngụ ý trong mạch ngầm văn bản, tạo ra được “**ý tại ngôn ngoại**” và khẳng định hiệu quả của cách viết ấy. Tác giả phải hiểu biết cặn kẽ những điều mình muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc khi tiếp xúc với chúng vẫn có thể hiểu được những gì đã lược đi.

- Nhiệm vụ của người đọc là phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được “**bảy phần chìm**”, những hình tượng, hình ảnh,... giàu tính tượng trưng đa tầng nghĩa; phải vận dụng kinh nghiệm và những hiểu biết để lấp đầy khoảng trống mà nhà văn cố tình tạo ra trong tác phẩm.

Thông qua hình ảnh ông già quật cường, bằng kĩ thuật điều luyện, đã chiến thắng con cá kiếm to lớn và hung dữ trong truyện Ông già và biển cả, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp : **Hãy tin vào con người, “con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại”, “con người được sinh ra không phải dành cho thất bại”**.

8. Hãy tìm trong đoạn trích một vài câu văn có nhiều “khoảng trống” để chứng minh cho lối viết văn kiệm lời, kiệm cảm xúc của nhà văn Hê-min-uê.

Trả lời:

- Sau ba ngày đêm ròng rã chiến đấu với con cá kiếm trên biển, nhà văn đề nhân vật thốt lên: “**Ta đã di chuyển được nó**”, ông lão nói. “**Ta đã di chuyển được nó rồi**”. Không một lời dẫn rõ ràng, khôn có một cụm từ giải thích về thái độ như mừng rỡ, phấn khởi,..Tuy nhiên, người đọc vẫn thấy được sắc thái hào hứng, sự vui mừng được toát lên từ cách nói, kết quả hành động của ông lão. Nếu cần lấp đầy khoảng trống, người đọc có thể thêm từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất,..vào câu văn đó.

- Hay như câu độc thoại : “**Con cá là vận may của ta**” đã tạo khoảng trống cho độc giả. Người đọc phải hiểu được, ông lão đã 84 ngày chưa câu được một con cá nào, và mọi người xung quanh cho rằng ông lão đang bị vận đen đeo bám. Ngay cả Ma-nô-lin, cậu bé thân thiết nhất của Xanh-ti-a-gô cũng bị cha mẹ cấm không cho theo ông nữa. Nếu hiểu đầy đủ, câu văn này phải là : **con cá là vận may của ta** và việc ta bắt được nó đã chứng minh rằng ta đã vượt qua được vận rủi.

9. Đoạn trích truyện Ông già và biển cả của Hê-min-uê kể lại sự việc gì? Nhân vật Xan-tia-go là người như thế nào qua sự việc ấy?

- Sự việc : Ông lão đánh cá Xan-ti-a-go vất vả săn bắt con cá kiếm.
- Xan-ti-a-go là một ngư phủ lành nghề, là người dũng cảm, mưu trí, kiên trì, giàu ý chí, nghị lực, giàu khát vọng,...

10. Hình ảnh con cá kiếm trong Ông già và biển cả của Hê-min-uê gợi cho anh chị suy nghĩ gì?

- Hình ảnh con cá kiếm trong đoạn trích được miêu tả đây là hình ảnh đẹp, cao quý; quan hệ của nó đối với ông lão Xa-ti-a-go cũng là một quan hệ khác thường (ông lão xem con cá như một con người, thậm chí là một đối thủ hay một người bạn tâm tình).
- Chính điều này đã gợi ra cho người đọc nhiều suy nghĩ : nó là hình ảnh của ước mơ, của lí tưởng mà mỗi con người thường theo đuổi trong đời.

11. Cảm nhận của ông lão về con cá kiếm trong Ông già và biển cả của Hê-min-uê được miêu tả như thế nào?

- Diễn tả sự cảm nhận của ông lão về con cá kiếm diễn ra đúng như sự việc xảy ra trong cuộc sống. Đầu tiên chỉ nhìn thấy từng bộ phận, rồi nhìn thấy toàn thể; tiếp theo cảm nhận nó bằng xúc giác, thị giác (sợi dây, những vòng lượn,..)
- Cảm nhận về con cá kiếm càng lúc càng mãnh liệt.

12. Trình bày ngắn gọn những hiểu biết của mình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Lỗ Tấn.

Trả lời:

- Lỗ Tấn (1881 -1936) là nhà văn cách mạng Trung Quốc.
- Xuất thân trong một gia đình quan lại sa sút, có điều kiện thấy rõ những điều xấu xa, lạc hậu của chế độ phong kiến Trung Quốc, sớm có lòng yêu nước, thương dân.
- Thời trẻ, ông đã đổi nghề nhiều lần : hàng hải, khai mỏ, nghề y, cuối cùng chuyển sang viết văn để thức tỉnh quốc dân đồng bào.
- Tác phẩm chính : Gào thét, Bàng hoàng, AQ chính truyện, Thuốc,...
- Làm văn nghệ, Lỗ Tấn dùng ngòi bút của mình để phanh phui căn bệnh tinh thần của người Trung Quốc, mong muốn thức tỉnh họ thoát khỏi những u mê, lạc hậu, kêu gọi nhân dân đoàn kết để đánh đổ ngoại tộc giành độc lập tự do cho dân tộc.

13. Tóm tắt ngắn gọn truyện ngắn Thuốc.

Trả lời:

- Sáng sớm mùa thu, lão Hoa, chủ quán trà đến pháp trường mua thuốc chữa bệnh lao cho con. Thuốc là chiếc bánh bao tẩm máu của người chiến sĩ cách mạng Hạ Du.
- Bà Hoa cho con ăn chiếc bánh với niềm tin chắc chắn con sẽ khỏi bệnh.
- Những người khách trong quán trà bàn về thuốc, về Hạ Du và cho là anh ta điên.

- Buổi sáng thanh minh năm sau, bà Hoa và bà mẹ Hạ Du cùng đến thăm mộ con, họ đồng cảm và ngạc nhiên khi thấy vòng hoa trên mộ Hạ Du.

14. Hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn Thuốc.

Trả lời:

- Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược. Xã hội Trung Quốc biến thành nửa phong kiến nửa thuộc địa, thế nhưng nhân dân lại cam chịu nhục. Đó là căn bệnh đờn hèn, tự thỏa mãn, cản trở nghiêm trọng con đường giải phóng dân tộc. Thuốc ra đời đúng vào hoàn cảnh ấy như một lời cảnh tỉnh những ai còn đang ngỡ ngàng trước thời cuộc, chỉ ra cho họ thấy rằng Trung Quốc đang là con bệnh trầm kha, chỉ có tiêu diệt hết thứ vi rút đờn hèn mới có cơ hội cứu được con bệnh thập tử nhất sinh ấy.

- Lỗ Tấn viết Thuốc ngày 25-4-1919 rồi đăng trên tạp chí *Tân thanh niên* đúng vào dịp phong trào Ngũ tứ nổ ra.

15. Thuốc là một nhan đề đa nghĩa. Anh (chị) hãy giải thích ý nghĩa nhan đề đó?

Trả lời:

- Trước hết nó được hiểu đúng theo nghĩa đen, ấy là thứ thuốc chữa bệnh lao cho người Trung Quốc lạc hậu, u mê. Một cách chữa bệnh đầy mê tín – lấy máu người để chữa bệnh lao. Ruột cuộc, con bệnh vẫn chết. Chết trong cái không khí ẩm mốc hôi tanh mùi máu của nước Trung Hoa lạc hậu.

Nhưng không chỉ có vậy, *Thuốc* còn đề cập đến một vấn đề khác sâu xa hơn và khái quát hơn, đó là sự u mê, đờn hèn, mông muội về chính trị - xã hội của quần chúng và bị kịch không được hiểu, không được ủng hộ của những người cách mạng tiên phong.

16. Trong truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn, khách trong quán trà của lão Hoa đã bàn về những chuyện gì? Hãy cho biết điều mà nhà văn muốn nói qua truyện ấy.

Trả lời:

Khách trong quán trà của lão Hoa đã bàn về những chuyện:

- Chuyện bánh bao tẩm máu tử tù.
- Chuyện người tù họ Hạ bị chém.

Điều nhà văn muốn nói:

- Phản ánh và phê phán sự ngu muội, thiếu hiểu biết của người dân Trung Quốc đương thời về *cách chữa bệnh lao*.

- Phản ánh và phê phán sự ngu muội, thiếu hiểu biết của người dân Trung Quốc đương thời về *cách mạng*.

Chúc tất cả thành công!